

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09 /02 /2018
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Thoi.

2. Ông Đỗ Văn Ngôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983. Có mặt.

ĐKKHKT: Thôn X, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985. Đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị M kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 06/5/2008, trước khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T hay uống rượu say về nhà chửi bới và đánh đập chị M. Nay chị M đề nghị được ly hôn anh T theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 21/6/2009 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/9/2011 nay hai con đang ở với anh T. Sau khi ly hôn chị M nhận nuôi con nhỏ của vợ chồng là Nguyễn Văn T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì. Sau khi ly hôn chị M không yêu cầu toà án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T và chị M kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V. Sau ngày cưới vợ chồng ở chung với gia đình được hơn 01 năm thì ra ở riêng, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, trước đây mâu thuẫn là do điều kiện kinh tế khó khăn. Từ năm 2017 thì chị M đi làm Công ty và nảy sinh tình cảm với người khác nên thường xuyên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Khi xảy ra mâu thuẫn anh T có đánh chị M một lần, trong quá trình chung sống chị M đã 03 lần bỏ về nhà đẻ ở sau đó lại quay về đoàn tụ, tuy nhiên vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2017 cho đến nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M xin ly hôn anh T nhất trí.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 21/6/2009 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/9/2011 nay hai con đang ở với anh T. Sau khi ly hôn anh T nhận nuôi cả hai con chung của vợ chồng và không yêu cầu chị M cấp dưỡng. Hiện nay anh T làm nghề xây dựng tự do, có mức thu nhập bình quân 6.000.000đ/1 tháng.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì. Sau khi ly hôn không yêu cầu toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng có ý thức chấp hành pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82; 83 - Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí;
Xử:

-Quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

-Con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M nuôi con Nguyễn Thị Thu T; giao cho anh Nguyễn Văn T được nuôi con Nguyễn Văn T. Chị M và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

-Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án vắng mặt lần thứ nhất, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 06/5/2008 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị M thấy: Chị M và anh T kết hôn với nhau đã có thời gian chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung, trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị M trình bày là do anh T hay uống rượu say về nhà chửi bới đánh đập chị M. Do không chấp nhận cuộc sống như vậy chị M đã về nhà đẻ ở từ tháng 9/2017. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M đề nghị được ly hôn anh T. Theo anh T trình bày mâu thuẫn vợ chồng là do chị M đi làm Công ty có quan hệ tình cảm với người khác, khi xảy ra mâu thuẫn anh T có đánh chị M, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay. Nay chị M xin ly hôn anh T nhất trí. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần để tiến hành hòa giải giữa chị M và anh T để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh T không đến làm việc, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai bên được. Nay chị M xin ly hôn, anh T nhất trí chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Xét yêu cầu nuôi con chung của hai bên thấy rằng: Chị M và anh T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 21/6/2009 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/9/2011 nay cả hai con đang ở cùng anh T. Sau khi ly hôn chị M nhận nuôi con nhỏ, anh T nhận nuôi cả hai con của vợ chồng và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị M và anh T là có căn cứ. Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự, đồng thời để

đảm bảo sự phát triển bình thường và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cho M và anh T mỗi người nuôi 01 con, cụ thể giao cho chị Nguyễn Thị M được nuôi con Nguyễn Văn T, giao cho anh Nguyễn Văn T được nuôi con Nguyễn Thị Thu T là phù hợp pháp luật. Do chị M và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị M có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T và chị M thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Anh Tiến và chị Mến không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại chị M tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 277; Điều 271 và 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 - Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí; Xử:

-Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

-Con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/9/2011; giao cho anh Nguyễn Văn T được nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 21/6/2009. Chị M và anh T hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị M có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T và chị M thực hiện quyền này.

-Án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 1.550.000đ chị M đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 04685 ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Trả lại chị Nguyễn Thị M 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- CCTHADS huyện Việt Yên;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Hợp